

Bản án số: **296/2020/HNGĐ- ST**

Ngày 01/9/2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang
2. Ông Nguyễn Sơn Hải

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Khẩu Thúy L, sinh năm 1995.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(chị L và anh C đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Khẩu Thúy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2014 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn T, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2016 vợ chồng chị chuyển về chung sống và làm ăn tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã,

cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không chịu đựng được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 02/10/2015. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh C. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị L xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L nhận chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn.

Tại bản tự khai của đương sự ngày 19/6/2020 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị L như chị L trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh C xác định giữa anh và chị L không có mâu thuẫn gì lớn, cuộc sống vợ chồng anh chị vẫn hạnh phúc, hòa thuận. Quan điểm của anh là tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị L. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị L.

Về con chung: Anh C xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 02/10/2015. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh. Nếu chị L kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Trường hợp anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu T, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nhất trí chị L chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khẩu Thúy L, xử cho chị Khẩu Thúy L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 02/10/2015 cho chị Khẩu Thúy L nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn

Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, vay nợ các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị L và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Khẩu Thúy L và anh Nguyễn Văn C đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Khẩu Thúy L, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị L xác định: chị L và anh C kết hôn vào năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn T, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2016 vợ chồng anh chị chuyển về chung sống tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Cũng trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến nay giữa vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Chị L và anh C cũng sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay chị L vẫn sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, còn anh C thì chuyển về chung sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã S, huyện Sơn Dương.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú hiện nay của anh C xác định: Việc mâu thuẫn gia đình cụ thể giữa chị L và anh C như thế nào thôn không nắm rõ chỉ biết khoảng tháng 05/2020 anh C mang theo con là cháu Nguyễn Phương T quay trở về nhà bố mẹ đẻ của anh tại thôn T, xã S, huyện Sơn Dương sinh sống. Vợ chồng anh chị không còn chung sống cùng nhau, thỉnh thoảng chị L cũng vẫn về nhà anh C để thăm nom, chăm sóc cháu.

Tại phiên tòa, anh C trình bày trường hợp chị L cương quyết ly hôn anh nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị L. Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: kết quả xác minh cho thấy anh C hiện nay đang làm nghề lái xe vận chuyển hàng hóa nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Chị L làm công nhân tại khu công nghiệp thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, thời gian làm việc của chị là sáng đi làm, tối về nhà. Mức thu nhập cụ thể của hai anh chị chính quyền địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, các đương sự đều cung cấp cho Tòa án bảng lương hàng tháng, thể hiện anh C đang làm lái xe cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Việt Nhật, địa chỉ công ty tại số xxx, ngõ 116, phố Nhân Hòa, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, thu nhập các tháng 3, 4, 5/2020 là 15.000.000 đồng/tháng; chị L đang làm việc tại Công ty TNHH Young Poong, thuộc khu Công nghiệp B, tỉnh Vĩnh Phúc với mức thu nhập bình quân tháng 1 đến tháng 5/2020 từ 8.000.000 đồng đến trên 15.000.000 đồng/tháng. Như vậy, thực tế hiện nay chị L và anh C đều có công việc và mức thu nhập ổn định và tương đương nhau. Về điều kiện, mức thu nhập của cả hai anh chị đều đảm bảo trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Tuy nhiên do cháu T là con gái và còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Đồng thời, đại diện chính quyền địa phương có ý kiến nên giao cháu Nguyễn Phương T cho chị Khẩu Thúy L nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 02/10/2015 cho chị Khẩu Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị L và anh C tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: chị Khẩu Thúy L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh C không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Khẩu Thúy L về việc *Kiến Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Nguyễn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Khẩu Thúy L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 02/10/2015 cho chị Khẩu Thúy L nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Khẩu Thúy L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003411 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/9/2020)./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

